

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-8-2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Viên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Lệ Thanh.
2. Ông Hoàng Luật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 403/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Huỳnh H - sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức H1 - sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/9/2022; bản tự khai ngày 12/12/2022 nguyên đơn là Bà Nguyễn Huỳnh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đức H1 tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2001 nhưng đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết

hôn vào ngày 23/10/2010. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H1 thường xuyên uống rượu, nhiều lần có hành vi đánh đập bà. Vì những điều này mà vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất hòa với nhau và đã hiện tại đã sống ly thân. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông H1 nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đức H1.

- Về con chung: Bà và ông Nguyễn Đức H1 có 04 con chung là Nguyễn Đức H2, sinh ngày 24/8/2002, Nguyễn Đức H3, sinh năm 24/01/2013, Nguyễn Phi H4, sinh ngày 21/10/2015 và Nguyễn Trọng H5, sinh ngày 31/01/2020. Đối với con chung tên H2 đã thành niên và đủ khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung tên H3, H4 và H5 thì bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng .

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con đối với cháu tên H3, H4 và H5.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà và ông H1 không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai của ngày 12/12/2022, bị đơn ông Nguyễn Đức H1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và Bà Nguyễn Huỳnh H tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2001 nhưng đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 23/10/2010. Nay ông nhận thấy vẫn còn tình cảm yêu thương đối với bà H và vì các con còn nhỏ nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông thì ông không đồng ý.

- Về con chung: Ông và bà H Hiếu có 04 con chung là Nguyễn Đức H2, sinh ngày 24/8/2002, Nguyễn Đức H3, sinh năm 24/01/2013, Nguyễn Phi H4, sinh ngày 21/10/2015 và Nguyễn Trọng H5, sinh ngày 31/01/2020. Đối với con chung tên H2 đã thành niên và đủ khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung tên H3, H4 và H5, nếu Tòa án giải quyết cho ông và bà H ly hôn thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H3 và cháu H4 và đồng ý giao cháu H5 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông không cấp dưỡng nuôi con và cũng không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng

đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà H là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung: Bà H và ông H1 có 04 con chung là Nguyễn Đức H2, sinh ngày 24/8/2002, Nguyễn Đức H3, sinh năm 24/01/2013, Nguyễn Phi H4, sinh ngày 21/10/2015 và Nguyễn Trọng H5, sinh ngày 31/01/2020. Đối với con chung tên H2 đã thành niên và đủ khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên H3, H4 và H5, ông H1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên H3, H4 và đồng ý giao con chung tên H5 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Qua thu thập chứng cứ thể hiện bà H có thu nhập ổn định, có đạo đức tốt, có chỗ ở. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân các con chung được bà H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu H3, H4 và H5 được đi học, phát triển bình thường. Mặc khác, cháu H3, H4 và H5 đang sống cùng nhau nếu tách các cháu ra thì sẽ ảnh hưởng đến tâm lý các cháu. Cháu H3, cháu H4 đều có nguyện vọng được ở với bà H, cháu H4 là con gái cần có sự nuôi dưỡng, chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, đề nghị giao cháu H3, H4 và cháu H5 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Huỳnh H chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Nguyễn Đức H1 hiện cư trú tại xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Huỳnh H yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn Đức H1, yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Bà Nguyễn Huỳnh H là nguyên đơn; ông Nguyễn Đức H1 là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn Bà Nguyễn Huỳnh H và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Đức H1 đã được triệu tập hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà H và ông H1 tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 23/10/2010 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà H: Bà H xin ly hôn với lý do ông H1 không yêu thương bà cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng và bà H cũng không còn tình cảm với ông H1. Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện: Vợ chồng bà H và ông H1 thật sự có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn chăm lo cho nhau.

Qua xem xét lời trình bày của bà H, chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định vợ chồng bà H và ông H1 thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, ông H1 không tham gia hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, điều này thể hiện ông H1 không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông H1 đã có mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không có nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, giải quyết cho bà H được ly hôn với ông H1 theo Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Bà H và ông H1 có 04 con chung là Nguyễn Đức H2, sinh ngày 24/8/2002, Nguyễn Đức H3, sinh năm 24/01/2013, Nguyễn Phi H4, sinh ngày 21/10/2015 và Nguyễn Trọng H5, sinh ngày 31/01/2020. Đối với con chung tên H2 đã thành niên và đủ khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên H3, H4 và H5, ông H1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên H3, H4 và đồng ý giao con chung tên H5 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Qua thu thập chứng cứ thể hiện bà H có thu nhập ổn định, có đạo đức tốt, có chỗ ở. Trong thời gian bà H, ông H1 sống ly thân các con chung sống cùng với bà H, các con chung là cháu H3, H4 và H5 được bà H nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, các cháu được đi học, phát triển bình thường. Mặc khác, cháu H3, H4 và H5 đang sống cùng nhau nếu tách các cháu ra thì sẽ ảnh hưởng đến tâm lý các cháu. Cháu H3, cháu H4 đều có nguyện vọng được ở với bà H, cháu H4 là con gái cần có sự nuôi dưỡng, chăm sóc của người mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung, Hội đồng xét xử xét cần giao cháu H3, H4 và H5 cho bà H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

Ông H1 có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Huỳnh H chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Nguyễn Huỳnh H. Bà Nguyễn Huỳnh H được ly hôn với ông Nguyễn Đức H1.

2) Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức H3, sinh năm 24/01/2013, Nguyễn Phi H4, sinh ngày 21/10/2015 và Nguyễn Trọng H5, sinh ngày 31/01/2020 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông H1 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

Ông H1 có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3) Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4) Về án phí: Bà Nguyễn Huỳnh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai số 0003876 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Bà H đã nộp đủ án phí.

5) Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Huỳnh H, ông Nguyễn Đức H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã P
(giấy CNKH số 77, ngày 28/10/2010);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Viễn